

Số: 37 /TB-THCS TA

Tân An, ngày 31 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

**Thông tin cơ sở vật chất, tài liệu học tập sử dụng chung
của Trường THCS Tân An. Năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	Số lượng, hạng mục (số lượng/m ²)		Bình quân tối thiểu cho 01 học sinh	
		Thực trạng hiện có	Yêu cầu tối thiểu theo quy định	Thực trạng hiện có (số m ² /01HS)	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (số m ² /01 HS)
I	Tổng diện tích khu đất xây dựng trường (m ²)	5071m ²		13,3	
II	Số điểm trường	0	0	-	-
III	Tổng số phòng, hạng mục			-	-
1	Khối phòng hành chính quản trị	7	-	-	-
1.1	Phòng Hiệu trưởng	1/30m ²	-	-	-
1.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	1/15m ²	-	-	-
1.3	Phòng Kế toán	1/15m ²	-	-	-
1.4	Phòng Văn thư -Thủ quỹ	1/15m ²	-	-	-
1.5	Phòng Y tế	1/15m ²	-	-	-
1.6	Phòng bảo vệ	1/12m ²	-	-	-
1.7	Khu vệ sinh GV	3/15m ²			
1.8	Khu để xe GV	1/60m ²			
2	Khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập		-	-	-
2.1	Khối phòng học tập,		-	-	-
2.1	Số phòng học/số lớp		-	-	-
2.2	Loại phòng học		-	-	-
	- Phòng học kiên cố	10	-	-	-
	- Phòng học bán kiên cố	0	-	-	-
	- Phòng học tạm	0	-	-	-
	- Phòng học nhờ, mượn	0	-	-	-

	- Phòng bộ môn Âm nhạc	1/50m ²	-	-	-
	- Phòng bộ môn Mỹ thuật	1/50m ²	-	-	-
	- Phòng bộ môn Tin học	1/60m ²	1	-	-
	- Phòng bộ môn Tiếng Anh	1/60m ²	1	-	-
	- Phòng bộ môn Công nghệ	1/50m ²	1	-	-
	- Phòng bộ môn KHTN	1/60m ²	1	-	-
2.2	Khối phòng hỗ trợ học tập		-	-	-
2.2.1	Phòng Thư viện	1/50m ²	1	-	-
2.2.2	Phòng tư vấn HS	1/15m ²	1	-	-
2.2.3	Phòng Truyền thống	1/60m ²	1	-	-
2.2.4	Phòng Đoàn đội	1/15m ²	1	-	-
STT	Nội dung	Số lượng, hạng mục (số lượng/m ²)		Bình quân tối thiểu cho 01 học sinh	
		Thực trạng hiện có	Yêu cầu tối thiểu theo quy định	Thực trạng hiện có (số m ² /01HS)	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (số m ² /01 HS)
3	Khối phụ trợ; khu sân chơi; TDTT; khối phục vụ sinh hoạt		-	-	-
3.1	Phòng HĐ	1/100m ²	-	-	-
3.2	Phòng Tổ KHTN	1/30m ²	-	-	-
3.3	Phòng tổ KHXH				
3.4	Phòng Y Tế	1/30m ²			
3.5	Nhà Kho	1/25m ²			
3.6	Khu để xe HS	1/180m ²			
3.7	Khu vệ sinh HS	1/50m ²			
3.8	Cổng, hàng rào	Đảm bảo	-	-	
	Khu sân chơi , TDTT	2.386m ²	-	-	-
3.9	Sân chung	1			
3.10	Sân TDTT	1/200m ²			
IV	Tổng số thiết bị dạy hiện có (Đơn vị tính: bộ)			Số lượng	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định hiện có			8	
1.1	Khối lớp 6			2	
1.2	Khối lớp 7			2	
1.3	Khối lớp 8			2	
1.4	Khối lớp 9			2	

2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	0	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	214	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	5	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	7	
5	Thiết bị khác...		
			

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/	/	/
XIII	Khu nội trú	/	/	/

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3			/	Nam: 0,22m ² /HS Nữ: 0,25m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	/	/	/

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học; Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	Không
XI	Nhà ăn	Không

XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Ghi chú: Tường rào thiệt hại do cơn bão Yagi đổ khoảng 60m

XX	Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt 6,7,8,9		
TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Danh mục sách giáo khoa I		
1.1	Ngữ văn Tập 1 <i>(Cánh Diều)</i>	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), Lê Huy Bắc, Phạm Thị Thu Hiền, Phạm Thị Thu Hương, Nguyễn Văn Lộc, Trần Nho Thìn	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
	Ngữ văn Tập 2 <i>(Cánh Diều)</i>	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), Bùi Minh Đức, Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Văn Lộc, Trần Nho Thìn, Trần Văn Toàn	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
1.2	Toán Tập 1 <i>(Cánh Diều)</i>	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Đại học Sư phạm
	Toán Tập 2 <i>(Cánh Diều)</i>	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Đại học Sư phạm
1.3	Tiếng Anh Tập 1 <i>I-Learn Smart Word</i>	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
	Tiếng Anh Tập 2 <i>I-Learn Smart Word</i>	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
1.4	Giáo dục công dân <i>(Cánh Diều)</i>	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hoài, Nguyễn Thúy Quỳnh, Mai Thu Trang	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
1.5	Khoa học tự nhiên <i>Cánh diều</i>	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Khánh; Đặng Thị Oanh(Đồng chủ biên)	Đại học Sư phạm
1.6	Lịch sử và Địa lí <i>(Cánh Diều)</i>	Đỗ Thanh Bình, Nguyễn Viết Thịnh (Tổng Chủ biên), Trần Viết Lưu, Nguyễn Văn Ninh, Đỗ Thị Minh Đức (đồng Chủ biên), Phạm Thị Kim Anh, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Phùng Tám, Kiều Văn Hoan, Ngô Thị Hải Yến	Đại học Sư phạm

1.7	Tin học <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Nguyễn Chí Công, Hà Đặng Cao Tùng, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai	Giáo dục Việt Nam
1.8	Công nghệ <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Trương Thị Hồng Huệ- Lê Xuân Quang- Vũ Thị Ngọc Thủy- Nguyễn Thanh Thịnh- Vũ Cẩm Tú	Giáo dục Việt Nam
1.9	Âm nhạc <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Hoàng Long-Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên	Giáo dục Việt Nam
1.10	Mĩ thuật <i>(Cánh Diều)</i>	Phạm Văn Tuyên (Tổng chủ biên), - Ngô Thị Hương- Nguyễn Duy Khuê- Nguyễn Thị Hồng Thắm	Đại học Sư phạm
1.11	Giáo dục thể chất <i>(Cánh Diều)</i>	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên), Đinh Quang Ngọc (chủ biên), Đinh Khánh Thu, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành	Đại học Sư phạm
1.12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp <i>(Cánh Diều)</i>	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Sơn(chủ biên) Đàm Thị Vân Anh-Bùi Thanh Xuân	Đại học Sư phạm

Tân An, ngày 31 tháng 12 năm 2024
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH



Nguyễn Năm Quý

